

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương VINATRANS HÀ NỘI. Năm báo cáo: 2007

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

+6/1996 : Thành lập chi nhánh Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương (Vietrans Sai gon) tại Hà nội.

+ Tháng 4/2003 thành lập Công ty cổ phần giao nhận vận tải ngoại thương từ việc cổ phần hóa chi nhánh Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh.

+Năm 2006 đón nhận huân chương lao động hạng III do Chủ tịch nước trao tặng.

2. Quá trình phát triển

+ Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh về các dịch vụ giao nhận, vận tải, hàng xuất nhập khẩu; bốc xếp, giao nhận, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ hàng quá tải;

Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;

Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;

Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh;

Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi theo quy định của pháp luật;

Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;

Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu(thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hóa xuất nhập khẩu;

+ Tình hình hoạt động:

-Vốn góp ban đầu là 12 tỷ đồng, sau hai năm hoạt động tăng vốn điều lệ lên 24 tỷ bằng nguồn lợi nhuận để lại.

-Năm 2007 tăng vốn lên 60 tỷ đồng.

Kinh doanh có hiệu quả cao, đời sống người lao động không ngừng được nâng cao, vốn của các cổ đông được bảo toàn và sinh lời cao.

3. Định hướng phát triển:

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

-Không ngừng mở rộng dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế, dịch vụ logistics

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

-Trở thành doanh nghiệp hàng đầu về giao nhận và logistics tại Việt nam.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty

Tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch:

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	% so với KH
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	267,709,579,871	148,72%
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16,376,686,463	148,88%
3	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	15.000đ/cp	125%

* Những thay đổi chủ yếu trong năm:

-Đầu tư trang bị container, xe cầu nâng hàng :

-Đầu tư 8 xe đầu kéo :

Triển vọng và kế hoạch trong tương lai :

-Mở rộng tăng thị phần trong dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế : hàng không, đường biển.

-Phát triển mạnh mẽ dịch vụ như logistics và thiết lập một số mảng dịch vụ mới như công trình, hàng dự án...

Xây dựng bãi container 1,7 ha và kho CFS tại Hải phòng

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Stt	Nội dung	Năm nay	Năm trước
I	Tài sản ngắn hạn	111,243,308,886	89,478,301,885
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	51,015,396,243	34,880,961,246
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	58,043,130,363	52,825,185,232
4	Hàng tồn kho		
5	Tài sản ngắn hạn khác	2,184,782,280	1,772,155,407
II	Tài sản dài hạn	29,388,563,118	12,358,879,387
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định		
	- Tài sản cố định hữu hình	17,672,513,814	10,216,141,438
	- Tài sản cố định vô hình	1,607,106,164	1,707,324,332
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	173,384,330	119,545,330
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9,525,000,000	
5	Tài sản dài hạn khác	410,558,810	315,868,287

III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	140,631,872,004	101,837,181,272
IV			
	Nợ phải trả	67,770,115,421	50,077,576,937
1	Nợ ngắn hạn	67,770,115,421	50,077,576,937
2	Nợ dài hạn		
V			
	Vốn chủ sở hữu	72,861,756,583	51,759,604,335
1	Vốn chủ sở hữu	71,633,549,610	50,669,058,920
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	54,720,000,000	24,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	960,000,000	
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ		
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15,953,549,610	26,669,058,920
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	1,228,206,973	1,090,545,415
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	1,228,206,973	1,090,545,415
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI			
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	140,631,872,004	101,837,181,272

II. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		20.90	12.14
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		79.10	87.86
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn		48.19	49.17
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn		51.81	50.83
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		1.64	1.79
	- Khả năng thanh toán hiện hành		0.75	0.70
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		10.55	18.76
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		5.54	10.21
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		20.36	36.92

- Tổng số cổ phiếu: 5.472.000 cổ phiếu

Trong đó: +Cổ phiếu thường: 3.552.000

+Cổ phiếu ưu đãi : 1.920.000

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

+Cổ phiếu thường: 3.552.000

+Cổ phiếu ưu đãi :1.920.000

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 5.800

-Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: 15.000 đồng/1 cổ phiếu

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	267,709,579,871	187,152,090,220
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	267,709,579,871	187,152,090,220
4	Giá vốn hàng bán	245,676,584,438	162,298,603,651
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22,032,995,433	24,853,486,569
6	Doanh thu hoạt động tài chính	3,626,094,647	12,051,304,272
7	Chi phí tài chính	2,821,132,867	11,185,926,282
8	Chi phí bán hàng		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6,461,270,750	4,573,529,569
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16,376,686,463	21,145,334,990
11	Thu nhập khác	1,995,535,071	246,989,529
12	Chi phí khác	1,449,278,868	
13	Lợi nhuận khác	546,256,203	246,989,529
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16,922,942,666	21,392,324,519

15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,088,781,952	2,284,944,480
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14,834,160,714	19,107,380,039
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27,109	79,614
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	15.000đ/cp	25.000đ/cp

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

-Hoàn thiện việc quản lý kinh doanh và nhân sự bằng cách áp dụng công nghệ thông tin. Kiểm soát kinh doanh chi tiết đến từng nhân viên, từng tuần, tháng... để kiểm soát kết quả kinh doanh và phân phối thu nhập theo kết quả đạt được.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Hoàn thành thủ tục xin đất tại Hải phòng và tiến hành san lấp đầu tư xây dựng kho bãi 1,7 hécta.

Trang bị phương tiện vận chuyển mới cho chi nhánh Hải phòng và Hà nội.

Triển khai dự án xây dựng khu trung tâm dịch vụ thương mại và văn phòng tại số 2 Bích Cầu.

Mở rộng các phòng kinh doanh khi cơ hội tới :

Giữ vững các mảng dịch vụ chính hiện có: Giao nhận hàng không, gom hàng lẻ , giao nhận đường biển ..

Tuyển dụng đào tạo đội ngũ nhân viên có năng lực thực sự vào làm việc tại công ty .

IV. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán.

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty Kiểm toán DTL

- Ý kiến kiểm toán độc lập

Trích: “Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 cũng như kết quả kinh doanh và

lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

VI. Các công ty có liên quan

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

Đầu tư vào các công ty thuộc Vinatrans Group :

+Vinalink: 46.000 cổ phần(tỷ lệ : 5,62%)

+Vinafreght : 17.000 cổ phần (tỷ lệ 3,125%)

+Shintrans: 310.000 cổ phần (tỷ lệ 31%)

- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan: Các công ty đều hoạt động tốt và có hiệu quả cao.

VII. Tổ chức và nhân sự

- Cơ cấu tổ chức của công ty:

Ban Giám đốc : Tổng Giám đốc và hai Phó Tổng Giám đốc

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT: 5 người

Thành viên độc lập: 4 người

Thành viên kiêm tổng giám đốc điều hành: 1 người

Ban kiểm soát: 3 người

- Hoạt động của HĐQT: Các thành viên HĐQT hoạt động theo phương thức không tập trung và thông qua các vấn đề được công khai tại kỳ họp hoặc bằng phương thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Hoạt động của HĐQT luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ công ty, thực hiện đúng các nghị quyết của Đại hội cổ đông.

- Hoạt động của Ban kiểm soát: Kiểm soát việc tuân thủ các nghị quyết của ĐHCĐ, Quy định của HĐQT. Thẩm tra báo cáo tài chính năm 2007.

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT thành viên Ban kiểm soát:

-Chủ tịch HĐQT : 6 trđ/1 quý

-Các thành viên HĐQT : 5 trđ/1 quý

-Trưởng ban kiểm soát; 2,5 triệu đồng/1 năm, thành viên BKS: 2 trđ/năm

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước

Tổng số : Cổ đông

+Tổ chức : 4 cổ đông

+Cá nhân : 200 cổ đông

Cổ đông lớn :

MÃ SỐ	HỌ TÊN	SỐ CP sở hữu	ĐỊA CHỈ	Tỷ lệ
H1131	Vinafreight	1,320,000	A8 Trường Sơn, Tân Bình, TP HCM	24.12%
H1132	Vinalink	1,320,000	145 Nguyễn Tất Thành, Q.4, TP HCM	24.12%
H1147	Vinatrans	600,000	406 Nguyễn Tất Thành, Q.4, TP HCM	10.96%

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài

Không có

Hà nội, ngày 31 tháng 3 năm 2008

Tổng Giám đốc

Khúc Văn Dụ